

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỌC MỞ RỘNG TRONG VIỆC CẢI THIỆN KỸ NĂNG ĐỌC TIẾNG ANH

*Phạm Thu Hiền**

Email: pthien@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/06/2023

Ngày phản biện đánh giá: 05/12/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/12/2023

DOI:

***Tóm tắt:** Không ít sinh viên đại học gặp khó khăn với môn tiếng Anh trong chương trình học. Đặc biệt gặp khó khăn trong việc đọc các tài liệu bằng tiếng Anh để phục vụ cho việc học tập. Từ lâu đọc mở rộng đã được xác định là một phương pháp dạy và học ngoại ngữ. Việc sử dụng chiến lược đọc mở rộng sẽ có khả năng thúc đẩy đến trình độ ngôn ngữ của người học ngoại ngữ trong đó có kỹ năng đọc. Bên cạnh phương pháp, nhận thức của sinh viên cũng là một nhân tố quyết định sự thành công của việc dạy và học ngoại ngữ. Vì vậy bài viết này sẽ tìm hiểu về nhận thức của sinh viên về đọc mở rộng trong việc cải thiện kỹ năng đọc. Tác giả sử dụng bảng câu hỏi, thảo luận và phỏng vấn bán cấu trúc đối với sinh viên không chuyên ngoại ngữ tiếng Anh năm thứ 2, trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp để thu thập số liệu. Kết quả cho thấy, đa số sinh viên đều có thái độ tích cực và nhận thấy sự tiến bộ về kỹ năng đọc tiếng Anh khi tham gia đọc mở rộng.*

***Từ khóa:** Đọc mở rộng, các hoạt động đọc, kỹ năng đọc, cải thiện từ vựng, nhận thức*

I. Đặt vấn đề:

Học tiếng Anh không chỉ học từ vựng và ngữ pháp. Nó cũng liên quan đến việc thành thạo các kỹ năng như nghe, nói, viết và đọc. Không còn nghi ngờ khi nói đọc là một kỹ năng quan trọng nhất khi học tiếng Anh. Trong nghiên cứu của mình, Aldiana và Vildana (2021) đã nói “Khả năng đọc tốt rất quan trọng đối với người học ngôn ngữ. Thành tích học tập thành công ở cấp tiểu học và trung học cũng như ở cấp học cao hơn một phần phụ thuộc vào khả năng đọc. Người ta tin rằng người học giỏi là những người đọc thành thạo.” Tuy nhiên, kỹ năng đọc của nhiều sinh viên còn kém vì sinh viên thiếu vốn từ vựng, thiếu khả năng đọc trôi chảy và thói quen đọc sách thường xuyên. Họ dễ dàng cảm thấy mệt mỏi, không chắc chắn và thất vọng với kỹ năng đọc của mình. Đối với sinh viên không thuộc chuyên ngành tiếng Anh, sinh viên càng ít có thói quen đọc hơn và gặp nhiều khó khăn trong việc đọc bằng tiếng Anh. Vấn đề trên cũng đã được đề cập trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc An (2017). Nhiều giáo viên cho rằng đa phần sinh viên không có kỹ

* Trường Đại học Kinh Tế-Kỹ Thuật Công nghiệp

năng đọc tốt. Phương pháp dạy và học đọc truyền thống đang tồn tại khá phổ biến là phương pháp dịch. Phương pháp này không khuyến khích được hứng thú và động lực học đọc của sinh viên. Tài liệu học đọc được dùng chung là những bài đọc giống nhau trong các tài liệu giống nhau do giáo viên lựa chọn cho tất cả sinh viên nên cũng làm giảm đi mong muốn và động lực học tập. Vì thế, các giáo viên đã và đang nỗ lực tìm các giải pháp giúp sinh viên có khả năng đọc tiếng Anh tốt hơn. Đọc mở rộng từ lâu đã là một thuật ngữ quen thuộc trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ trong đó có tiếng Anh và ngày nay được xem như là một phương pháp hiệu quả trong việc dạy học đọc. Đọc mở rộng đã được chứng minh đem lại rất nhiều lợi ích cho việc học đọc qua quan sát thực tế và các nghiên cứu. Đọc mở rộng là một hoạt động cá nhân nên sinh viên có thể chọn những cuốn sách mình muốn đọc và ở các trình độ khác nhau phù hợp với năng lực bản thân, những cuốn sách không được thảo luận trong lớp học. Do đó, việc đọc những cuốn sách yêu thích sẽ dần trở thành thói quen và sở thích của sinh viên. Karen (1993) gọi đọc mở rộng là đọc vì niềm vui hay “đọc tự do”. Ngoài ra, Day và Bamford (1998) cũng chỉ ra đọc mở rộng là một quá trình đọc giúp phát triển khả năng ngôn ngữ, thói quen đọc và thái độ tích cực đối với việc đọc. Cụ thể, đọc mở rộng là đọc với số lượng và ý nghĩa, việc đọc đòi hỏi khả năng tự kiểm soát và nhu cầu ít lo lắng. Như vậy, đọc mở rộng đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi trong việc giảng dạy ngôn ngữ do tính thực tiễn của nó phù hợp với lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ, tác dụng của nó trong việc trao quyền cho người học và khuyến khích thực hiện trong nhiều nghiên cứu. Mặc dù đã có nhiều bài nghiên cứu nói về đọc mở rộng nhưng vẫn còn chưa nhiều thông tin về nhận thức của sinh viên đối với đọc mở rộng. Chính vì thế bài báo này muốn đưa ra cơ sở lý luận về đọc mở rộng và thái độ của sinh viên đối với việc ứng dụng phương pháp đọc mở rộng trong việc cải thiện kỹ năng đọc tiếng Anh.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Định nghĩa

2.1.1. Đọc mở rộng

Day & Bamford (1998) đã định nghĩa đọc mở rộng bằng ngôn ngữ thứ hai là “một cách tiếp cận việc dạy và học đọc ngôn ngữ thứ hai trong đó người học đọc số lượng lớn sách và các tài liệu khác phù hợp với năng lực ngôn ngữ của họ”. “Đọc mở rộng là một phương pháp trong đó học sinh đọc nhiều tài liệu ở trình độ của mình bằng một ngôn ngữ mới; họ đọc để hiểu khái quát, để hiểu ý nghĩa tổng thể và để tìm thông tin một cách thích thú.”

Các nhà nghiên cứu Jacobs và cộng sự (1999) giải thích thêm rằng “Những người học đọc thường xuyên và đọc nhiều sẽ cảm thấy thích thú với quá trình đọc. Nguyên tắc vàng mà đọc mở rộng dựa vào đó là người học học cách đọc bằng cách đọc.” Vì vậy, học sinh nên học và đọc theo trình độ, năng lực ngôn ngữ và tốc độ riêng của mình trong thời phù hợp của bản thân.

Hafiz và Tudor (1989) đã định nghĩa đọc mở rộng là đọc định lượng bằng ngôn ngữ thứ hai trong một khoảng thời gian kéo dài vì niềm vui cá nhân mà không cần các nhiệm vụ tiếp theo. Đọc mở rộng đang được hầu hết các chuyên gia dạy đọc nghiên cứu như một phương pháp dạy đọc thay thế vì các đặc điểm và lợi ích mang lại.

2.1.2. Sự nhận thức

Theo Demuth (2013), nhận thức là quá trình nhận biết (nhận thức), tổ chức (thu thập và lưu trữ) và diễn giải (ràng buộc kiến thức) thông tin giác quan. Trong khi đó, theo Kirin (2010), nhận thức là một nghiên cứu và thế giới chủ yếu bao gồm các nhận thức, hình ảnh hoặc ý tưởng. Nhận thức trở thành một yếu tố thiết yếu trong quá trình học tập của học sinh, nó xác định ý nghĩa của thông tin và sau đó được chuyển thành sự hiểu biết. Thông qua nhận thức, học sinh có thể đưa ra quan điểm về điều gì đó và có thể phát triển nó thành một ý tưởng mới hoặc phát minh ra điều gì đó mới. Do đó để đọc mở rộng đem lại hiệu quả trong việc cải thiện kỹ năng đọc, sinh viên phải có thái độ và nhận thức đúng đắn, tích cực về chương trình đọc mở rộng họ tham gia.

2.2. Nguyên tắc của phương pháp đọc mở rộng

Day và Bamford (2002) đã chỉ ra một số nguyên tắc của phương pháp đọc mở rộng như sau:

1. Học sinh đọc càng nhiều càng tốt, có thể trong và ngoài lớp học.
2. Có sẵn nhiều loại tài liệu về nhiều chủ đề khác nhau để khuyến khích việc đọc vì những lý do khác nhau và theo những cách khác nhau.
3. Học sinh chọn những gì họ muốn đọc và có quyền tự do ngừng đọc những tài liệu mà họ không hứng thú.
4. Mục đích của việc đọc thường liên quan đến niềm vui, thông tin và sự hiểu biết chung. Mục đích được xác định bởi tính chất của tài liệu và lợi ích của học sinh.
5. Đọc sách là phần thưởng của chính nó. Có rất ít hoặc không có bài tập tiếp theo sau khi đọc.
6. Tài liệu đọc nằm trong khả năng ngôn ngữ của người học về từ vựng và ngữ pháp. Từ điển hiếm khi được sử dụng trong khi đọc vì việc liên tục dừng lại để tra từ khiến việc đọc trôi chảy trở nên khó khăn.
7. Việc đọc mang tính cá nhân và im lặng, theo tốc độ riêng của học sinh và, ngoài lớp học, được thực hiện khi nào và ở đâu là do học sinh chọn.
8. Tốc độ đọc thường nhanh hơn thay vì chậm hơn khi học sinh đọc sách và các tài liệu khác mà các em thấy dễ hiểu.
9. Giáo viên định hướng cho học sinh mục tiêu của chương trình, giải thích phương pháp, theo dõi nội dung từng học sinh đọc và hướng dẫn học sinh tận dụng tối đa chương trình.
10. Giáo viên là hình mẫu về người đọc đối với học sinh - một thành viên tích cực của cộng đồng đọc sách trong lớp.

2.3. Lợi ích của phương pháp đọc mở rộng

2.3.1. Đọc mở rộng có thể giúp tăng vốn từ vựng

Trong nghiên cứu của mình, Wang [2006] chỉ ra cách cải thiện vốn từ vựng hiệu quả nhất là đọc mở rộng. Khi tham gia đọc mở rộng với một lượng tài liệu lớn để giải trí mà không cần thực hiện bất kỳ nhiệm vụ hay bài tập nào đã tạo điều kiện cho sinh viên có sự tự chủ và họ cũng có cơ hội gặp từ vựng trong ngữ cảnh và từ đó dễ đoán, đồng thời tăng vốn từ vựng thị giác. Về mặt lý thuyết có thể mang lại kết quả học từ vựng đáng kể, điều này dường như khó đạt được khi dạy trong khoảng thời gian tương đối ngắn theo như kết quả nghiên cứu của Hafiz và Tudor (1989).

Koda (2005) khẳng định đọc mở rộng có thể là một con đường đơn giản để người học ngôn ngữ xây dựng kiến thức từ vựng vững chắc và nâng cao khả năng đọc hiểu. Horst (2005) lại cho

rằng đọc một lượng lớn văn bản và tài liệu là đặc điểm chính của đọc mở rộng và nó góp phần phát triển vốn từ vựng của người học thông qua việc gặp lại các từ riêng lẻ. Tác giả cũng nhận thấy rằng những người tham gia đọc mở rộng đã nâng cao kiến thức từ vựng của họ và thu được kiến thức mới về hơn một nửa số từ không quen thuộc có trong tài liệu đọc mở rộng mà họ đã chọn. Ngoài ra, dù thiết kế nghiên cứu trường hợp của Leung (2002) và nghiên cứu của Hayashi (1990) khác nhau, kết quả đều cho thấy học sinh càng đọc nhiều sách tự chọn thì khả năng từ vựng của các em càng được cải thiện nhiều hơn. Việc đọc mở rộng cũng có thể khuyến khích học sinh tiếp thu từ vựng mới thông qua việc đọc và do đó khả năng nhận biết từ vựng của học sinh được xây dựng một cách tự nhiên. Trong nghiên cứu của Lai (1993), kết quả cho thấy có ba nhóm thử nghiệm có điểm số nhận dạng từ vựng tốt hơn so với nhóm đối chứng. Hơn nữa, không có lý do để nghi ngờ khi phát hiện học sinh tình cờ thu được một lượng nhỏ kiến thức từ vựng theo từng nghĩa, tập trung đọc một văn bản phù hợp và với đặc điểm của phương pháp đọc mở rộng là học sinh đọc càng nhiều càng tốt, điều đó sẽ giúp học sinh ghi nhớ lâu hơn vốn từ vựng của họ trong một thời gian dài. Các nhà giáo dục và nghiên cứu đều biết có mối quan hệ tương quan chặt chẽ giữa việc phát triển vốn từ vựng và khả năng đọc hiểu. Càng biết nhiều từ trong bài đọc, học sinh càng hiểu bài tốt hơn. Hơn nữa, điều này còn giúp các em cải thiện tốc độ đọc vì có thể đoán nghĩa các từ mới khác một cách nhanh chóng và không mất thời gian tra cứu từ trong từ điển.

2.3.2 Tăng khả năng đọc trôi chảy

Một số nghiên cứu đã chỉ ra muốn cải thiện khả năng đọc không thể thiếu khả năng đọc trôi chảy. Vì vậy, việc tìm ra cách để cải thiện khả năng đọc trôi chảy rất cần thiết. Trong nghiên cứu của mình Day và Bamford (2002) đã chỉ ra đọc nhiều sẽ thúc đẩy khả năng đọc trôi chảy vì sinh viên phải đọc một lượng tài liệu lớn và đa dạng nên họ không thể không tăng tốc độ đọc. Các nghiên cứu khác của Iwahori (2008) cũng đã chứng minh việc đọc rộng rãi làm tăng tốc độ đọc của học sinh. Tỷ lệ đọc nghĩa từ trước đến sau kiểm tra được cải thiện từ 84,18 lên 112,82 sau 7 tuần thực hiện đọc mở rộng trong nghiên cứu của ông. Việc giải mã từ tự động rất cần thiết để đọc trôi chảy. Những từ mà học sinh có thể nhận biết nhanh chóng và chính xác một cách tự động được gọi là từ vựng thị giác. Từ vựng về thị giác cần thiết để cải thiện khả năng đọc trôi chảy. Khi học sinh có nhiều vốn từ vựng về thị giác, họ có thể tự động giải mã được nhiều từ hơn. Kết quả họ có thể tiết kiệm nguồn lực nhận thức hữu hạn của mình để hiểu một văn bản. Ngoài ra, vốn từ vựng về thị giác đã được chứng minh tăng lên khi đọc mở rộng. Điều đó có nghĩa việc đọc mở rộng có thể cải thiện khả năng đọc trôi chảy của học sinh.

2.2.3 Tạo thói quen và động lực đọc

Khi học sinh đã có một lượng từ vựng, việc đọc sẽ trở nên dễ dàng hơn, họ sẽ không còn cảm thấy nhàm chán vì nhìn đâu cũng không biết đang đọc cái gì. Dần dần họ sẽ tự tin hơn trong việc đọc và thích đọc hơn, cũng dần tới có thói quen đọc thường xuyên. Thái độ và động lực là một trong những yếu tố then chốt tạo nên thói quen đọc. Day và Bamford (1998) đã chứng minh rằng tác động tích cực của việc đọc rộng rãi đã tạo điều kiện cho sự phát triển thái độ của học sinh đối với việc đọc và tăng động lực đọc của họ. Vì việc đọc mở rộng cung cấp những tài liệu thú vị cho học sinh nên họ sẽ có nhiều khả năng được kích thích, có động lực đọc hơn. Trong “Nghiên cứu tác động của “đọc rộng” đến thái độ và thói quen đọc sách trong việc học tiếng Anh của sinh

viên”, Nguyen Thuy Hanh (2023) cũng đã chỉ ra việc đọc mở rộng sẽ khuyến khích người học đọc nhiều hơn, tăng cường động lực đọc và từ đó hình thành thói quen đọc sách ngoài lớp học. Ngoài ra, nghiên cứu của các tác giả Mohammed (2021) và Alfelia và cộng sự (2013) cũng đã chứng minh đọc mở rộng đem lại động lực đọc và thói quen cho người học.

III. Phương pháp nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu là 50 sinh viên không chuyên ngoại ngữ tiếng Anh năm thứ 2 đang học tập tại trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp đã tham gia vào chương trình đọc mở rộng trong thời gian 3 tháng. Nghiên cứu sử dụng phương pháp quan sát, khảo sát bằng bảng câu hỏi đối với 50 sinh viên. 15 sinh viên trong số đó được lựa chọn ngẫu nhiên và chia thành 3 nhóm để tiếp tục thảo luận và trả lời phỏng vấn. Các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc, thảo luận được ghi âm và ghi chép lại. Trong quá trình này, tác giả cũng liên tục theo dõi thái độ và sự tiến bộ của sinh viên trong mỗi giờ học.

IV. Kết quả và thảo luận:

4.1. Thái độ và thói quen đọc sách của sinh viên trước khi tham gia chương trình đọc mở rộng

Bảng 1. Thái độ và thói quen đọc sách của sinh viên trước khi tham gia chương trình đọc mở rộng

Nội dung	Số lượng (sinh viên)	Tỷ lệ phần trăm
Đọc sách quan trọng	100	100
Đọc sách không quan trọng	0	0
Thích đọc thêm sách, tài liệu tiếng Anh ngoài sách giáo khoa	11	22
Không thích đọc thêm sách, tài liệu tiếng Anh ngoài sách giáo khoa	39	78
Thường xuyên đọc thêm sách, tài liệu tiếng Anh ngoài sách giáo khoa	2	4
Thỉnh thoảng đọc thêm sách, tài liệu tiếng Anh ngoài sách giáo khoa	8	16
Không bao giờ đọc thêm sách, tài liệu tiếng Anh ngoài sách giáo khoa	40	80

Tất cả sinh viên đều nhận thức được việc đọc sách quan trọng, tuy nhiên chỉ có rất ít sinh viên 22 % thích đọc thêm sách, tài liệu tiếng Anh. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả trong nghiên cứu của Nguyễn Thúy Hạnh (2023). Trong khi phỏng vấn, nhiều sinh viên cũng cho rằng mình biết đọc sách quan trọng nhưng vẫn không thích đọc vì lười, nhiều từ mới nên đọc một lúc thấy nản. Chỉ có 4% sinh viên thường xuyên đọc thêm tài liệu tiếng Anh ngoài sách giáo khoa và thậm chí 80% không bao giờ đọc thêm sách bằng tiếng Anh. Kết quả phỏng vấn cũng có kết quả tương tự. Sinh viên Q đã trả lời: “Trước đây em gần như không thích đọc thêm tài liệu tiếng Anh vì đọc rất mất thời gian mặc dù biết việc đọc thêm rất quan trọng.”

Sau khi giới thiệu và hướng dẫn đọc mở rộng gồm giải thích về đọc mở rộng và đưa ra các đường link để sinh viên có thể truy cập vào đọc online theo cấp độ của mình, sinh viên có điều kiện có thể mua bản cứng các cuốn sách Graded Reader để đọc thêm trong ba tháng, kết quả thu được như sau.

4.2. Nhận thức của sinh viên về đọc mở rộng đối với việc tiếp nhận thông tin

Bảng 2. Nhận thức của sinh viên về Đọc mở rộng đối với việc tiếp nhận thông tin

Nội dung	Số lượng (sinh viên)	Tỷ lệ phần trăm
Thêm kiến thức mới	42	84
Thêm từ vựng mới	100	100
Cải thiện tốc độ đọc	45	90

Đa phần sinh viên đều đồng ý rằng họ nhận được một số kiến thức mới từ các hoạt động đọc mở rộng chẳng hạn như văn hóa, sự kiện của các quốc gia khác nhau cũng như quan điểm của tác giả hay các thể loại văn bản. Kết quả từ phỏng vấn cũng cho kết quả tương tự, 12 sinh viên trong số 15 sinh viên được phỏng vấn đã cho biết đọc mở rộng giúp mình có thêm nhiều kiến thức mới. Sinh viên A chia sẻ: “Em biết thêm về văn hóa của các nước khác sau khi đọc mở rộng.” Sinh viên D cho biết: “Trước đây em chỉ biết có quả kiwi, sau khi đọc thêm cuốn Facts and Figures em mới biết có loài chim kiwi nữa.” Từ bảng 2 chúng ta có thể thấy tất cả các sinh viên đã khẳng định việc đọc mở rộng giúp sinh viên biết thêm từ vựng mới. Đồng thời, khi thảo luận tất cả 15 sinh viên đều cho rằng sau khi đọc mở rộng vốn từ vựng của sinh viên tăng lên và nhớ lâu hơn. Sinh viên B nhấn mạnh: “Do đọc thường xuyên, nhiều từ lặp đi lặp lại nhiều lần trong bài đọc nên em nhớ lâu hơn và không quên nữa.” Sinh viên F bổ sung: “Được đọc những tài liệu phù hợp với sở thích của mình nên em thấy từ vựng đọng lại trong em khá tự nhiên và không quá vất vả để nhớ từ.” Trong nghiên cứu của mình Rini Lindawati (2021) cũng đã cho biết 100 phần trăm sinh viên đều cho rằng vốn từ vựng tăng lên nhờ đọc mở rộng. Khi được hỏi về tốc độ đọc có tăng lên không, 90% sinh viên trả lời có, cũng tương đồng với việc đa phần sinh viên được phỏng vấn đều trả lời tốc độ đọc của mình thực sự được cải thiện. Bell (2001) chỉ ra nhóm "mở rộng" được tiếp xúc với một chế độ đọc được phân loại trong khi nhóm "chuyên sâu" nghiên cứu các văn bản ngắn, sau đó là các câu hỏi đọc hiểu. Kết quả chỉ ra rằng những đối tượng được tiếp xúc với khả năng đọc “mở rộng” đạt được cả tốc độ đọc nhanh hơn đáng kể và điểm số cao hơn đáng kể trong các biện pháp đọc hiểu. Tuy nhiên, có một số cho biết tốc độ đọc của mình không tăng đáng kể, sinh viên D nói: “Tốc độ đọc của em chưa tăng vì em quá bận nên không đọc thêm được nhiều.” Sinh viên O bổ sung: “Vi chúng em tự giác đọc là chính, các thầy cô không kiểm tra thường xuyên nên đôi khi lười đọc, và nhiều khi chưa tìm đúng tài liệu phù hợp với mình nên không nhiệt tình đọc.”

4.3. Nhận thức của sinh viên về Đọc mở rộng đối với việc đem lại niềm vui

Bảng 3. Nhận thức của sinh viên về Đọc mở rộng đối với việc đem lại niềm vui

Nội dung	Số lượng (sinh viên)	Tỷ lệ phần trăm
Đọc tài liệu theo sở thích	41	82
Cảm thấy vui khi đọc	42	84
Có động lực khi đọc	37	74

Kết quả từ bảng 3 cho thấy, 82% sinh viên lựa chọn đọc tài liệu theo sở thích. Sinh viên K khi được phỏng vấn cho biết mình lựa chọn đọc theo sở thích vì nó giúp duy trì hứng thú đọc hơn. Sinh viên E lại cho biết mình không đọc theo sở thích tất cả các tài liệu vì bản thân muốn đọc các tài liệu một cách đa dạng để hiểu biết thêm nhiều lĩnh vực. Đa số sinh viên khi được phỏng vấn khẳng định việc đọc mở rộng một thời gian giúp sinh viên không còn ngại khi đọc. Điều đó cũng được thể hiện ở kết quả khảo sát trên với 84% sinh viên cho rằng cảm thấy vui khi đọc. Sinh viên không ngại đọc vì đọc bây giờ là niềm vui. Sinh viên L đã nhấn mạnh “Em cảm thấy vui hơn khi đọc các tài liệu theo sở thích của mình.” Sinh viên O bổ sung, “Vì không phải đọc tài liệu quá khó với mình, và có thể đọc các chủ đề mình thích giúp em không thấy ngại khi đọc và dần dần đọc trở thành thói quen.” 74% sinh viên có động lực khi đọc sau một thời gian đọc thêm tài liệu thường xuyên. Sinh viên B trả lời: “Khi không còn ngại đọc, thì sẽ có động lực để đọc.” Kết quả này cũng trùng khớp với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc An (2017): “Phân tích các kết quả cho thấy bốn loại động lực đọc đã ảnh hưởng đến động lực đọc của sinh viên. Bằng chứng như đã đề cập ở trên có thể kết luận rằng chương trình đọc mở rộng giúp học sinh tăng động lực đọc và tăng khả năng đọc của học sinh.” Phạm Thị Hoàng Ngân và cộng sự (2019) đã chỉ ra “Đọc mở rộng với các đặc điểm của mình đã giúp học sinh vượt qua các khó khăn trong khi học đọc như thiếu từ vựng, thiếu sự trôi chảy và thiếu thói quen đọc.” Đọc mở rộng với kết quả trên đã được xem như là một phương pháp hữu hiệu trong việc cải thiện khả năng đọc, kỹ năng đọc tiếng Anh của sinh viên. Sinh viên đã có thái độ tích cực với những trải nghiệm đọc sau khi thực hiện đọc mở rộng cũng như có những thay đổi tích cực về hành động của mình trong việc học đọc.

IV. Kết luận:

Từ kết quả trên, tác giả kết luận rằng dưới góc nhìn của sinh viên, đọc mở rộng đã giúp sinh viên tăng cường vốn từ vựng và cùng với đó sinh viên cũng trang bị thêm được cho mình nhiều kiến thức mới từ tài liệu đọc thêm. Nhiệm vụ đọc mở rộng rất hữu ích để sinh viên tiếp tục đọc ngay cả khi lúc đầu họ cảm thấy bị ép phải đọc. Tuy nhiên, cuối cùng họ đã quen với việc đọc cuốn sách, tài liệu mà họ đã tự do lựa chọn và cho rằng nó khó. Họ đọc rất nhiều so với hoạt động hàng ngày trước đây. Việc đọc mở rộng giúp sinh viên trở thành một người đọc tự chủ và tăng ngân hàng từ vựng của mình, sau đó tăng tốc độ đọc. Vì thế đọc mở rộng có thể thúc đẩy sinh viên tiếp tục đọc nhiều nhất có thể để cải thiện kỹ năng đọc của mình. Hơn thế nữa, việc đọc mở rộng cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc ngoài lớp học, biến sinh viên thành người có thói quen đọc sách, đọc sách thực sự đã trở nên thú vị và vui nhộn. Khi kỹ năng đọc hiểu của sinh viên được cải thiện, việc học các kỹ năng khác trong giờ học tiếng Anh cũng trở nên dễ dàng hơn như Mohammed (2021) đã đề cập trong kết quả nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, qua nghiên cứu này cũng cho thấy để chương trình đọc mở rộng thật sự có hiệu quả hơn nữa, sự thay đổi trong phương pháp giảng dạy của giảng viên rất cần thiết. Khi đã đưa ra chương trình đọc mở rộng, giảng viên cần phải có sự theo dõi và kiểm tra thường xuyên đối với kế hoạch đọc của sinh viên để đưa ra hướng dẫn cũng như lời khuyên kịp thời trong quá trình sinh viên thực hiện đọc mở rộng gặp khó khăn.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Aldiana, L. & Vildana, D. The role of Reading in English language classrooms. *Map Social Science*, 2021, 1(1).

- [2]. Alfelia, N. P. & Wahyu. K. W. Effects of extensive reading on reading attitudes in a foreign language. *Reading in a Foreign Language*, **2013**, 25(2), 248–263.
- [3]. Bell, T. Extensive reading: Why? And How? *The Internet TESL Journal* , **1998**, 4.
- [4]. Bell, T. Extensive reading: Speed and comprehension. *The Reading Matrix*, **2001**, 1(1), 1-13.
- [5]. Day, R. R. and Bamford, J., *Extensive reading in the second language classroom*. Cambridge: Cambridge University Press. 1998.
- [6]. Day, R. R., & Bamford, J., “Top ten principles for teaching extensive reading,” *Reading in a Foreign Language*, **2002**, 14, 136–141.
- [7]. Demuth, A. Perception Theories. *FFTU*, **2013**, 23-24.
- [8]. Kirin, W. Effects of extensive reading on students' writing ability in an EFL class. *Journal of Asia TEFL*, **2010**, 7(1), 285-308.
- [9]. Hafiz, F.M. & Tudor, I., “Extensive reading and the development of language skills,” *ETL journal*, **1989**, 34(1), pp. 5-13,
- [10]. Hayashi, K. Reading strategies and extensive reading in EFL classes. *RELC Journal*, 1999, 30(2), 114-132.
- [11]. Horst, M. Learning L2 vocabulary through extensive reading: A measurement study. *The Canadian Modern Language Review*, **2005**, 61, 355-382. DOI: 10.1353/cml.2005.0018.
- [12]. Iwahori, Y., “Developing reading fluency: A study of extensive reading in EFL,” *Reading in a Foreign Language*, **2008**, 20(1), pp.7091.
- [13]. [13]. Jacobs, G. M., Rcnandy, W. A., & Rajan, B. Extensive reading with adult learners of English as a second language. *RELC journal* , **1999**, 30, 39-61.
- [14]. Koda, K. *Insights into second language reading: a cross-linguistic approach*. Cambridge: Cambridge University Press, 2005.
- [15]. Krashen, S. D. *Principle and practices in second language acquisition*. New York: Prentice Hall, 1982.
- [16]. Lai, F. K. The effect of a summer reading course on reading and writing skills. *System*, **1993**, 21(1), 87-100.
- [17]. Leung, C.Y. Extensive reading and language learning: A diary study of a beginning learner of Japanese. *Reading in a Foreign Language*, **2002**, 14(1), 66-81.
- [18]. Mohammed, At. Extensive reading in an EFL classroom: Impact and learners’ perceptions. *Eurasian Journal of Applied Linguistics*, **2021**, doi:0.32601/ejal.911195
- [19]. Nguyễn Ngọc An. Using extensive reading to develop reading ability and motivation for non-major English students at People’s Police University. *Journal of modern education review*, **2017**, 7(11), 791-800.
- [20]. Nguyễn Thúy Hạnh. Nghiên cứu tác động của “đọc rộng” đến thái độ và thói quen đọc sách trong học tiếng anh của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục*, **2023**, 23(6), 39-44.
- [21]. Phạm Thị Hoàng Ngân, Mai Thị Thanh Thu và Trần Văn Đăng. Sử dụng phương thức đọc mở rộng để cải thiện khả năng đọc của sinh viên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, **2019**, 199(06), 45-50.
- [22]. Rini, L. Students’ perceptions towards extensive reading in efl contexts. *IJEAL (International Journal of English Education and Applied Linguistics)*, **2021**, 1(2), DOI: doi.org/ijeal.v1n1.1044
- [23]. Wang. “How to improve students’ reading ability,” *US-China education review*, **2006**, 3(5), 47-51.

STUDENTS' PERCEPTIONS TOWARD USING EXTENSIVE READING TO IMPROVE ENGLISH READING SKILLS

Pham Thu Hien[†]

Abstract: *Many undergraduate students have difficulty in learning English during their courses. Especially, it is difficult to read documents in English to serve their learning. Extensive reading has long been identified as a method of teaching and learning foreign languages. The use of extensive reading strategy will be able to promote the language skills of foreign language learners including reading skills. Besides the method, students' perception is also a factor that determines the success of teaching and learning foreign languages. Therefore, this article will learn about students' perceptions about extensive reading in improving reading skills. The author used a questionnaire survey, discussions and semi-structured interviews with second- year students not majoring in foreign language English at University of Economic and Technical Industries to collect data. The findings showed that most students have positive attitudes and progress in English reading skills when applying extensive reading program.*

Keywords: *Extensive reading, reading activities, reading skills, improving vocabulary, perception*

[†] University of Economics - Technology for Industries,